



School of Applied Mathematics  
<http://sam.utc.edu.vn/>



HÀ NỘI - 2024

KỶ YẾU HỘI THẢO VỀ GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CƠ BẢN NĂM 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

# KỶ YẾU

## HỘI THẢO VỀ GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CƠ BẢN NĂM 2024



ISBN: 978-604-76-2931-2



9 786047 629312

Lưu hành nội bộ



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

22	<b>ÁP DỤNG MÔ HÌNH “LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC” TRONG GIẢNG DẠY MÔN NGỮ ÂM THỰC HÀNH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯỜNG MẠI</b> Nguyễn Đỗ Hương Giang, Phùng Vân Thủy	189
23	<b>ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM</b> Nguyễn Thị Hồng Tuyền, Phạm Thị Bích Hạnh	198
24	<b>NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP NGÔN NGỮ CỦA SINH VIÊN TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC KHỐI KỸ THUẬT</b> Trương Thị Thanh Thủy, Trần Đình Thước	214
25	<b>TÌM HIỂU VIỆC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> Bạch Thị Thanh	221
26	<b>ƯU - NHƯỢC ĐIỂM CỦA VIỆC HỌC TIẾNG ANH TRỰC TUYẾN - KHẢO SÁT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> Nguyễn Thị Quyên	231
27	<b>VIỆC SỬ DỤNG CÁC CHIẾN LƯỢC ĐỌC SIÊU NHẬN THỨC TRONG THỰC HÀNH KỸ NĂNG ĐỌC TIẾNG ANH B1 CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> Vũ Thị Minh Phương	240
28	<b>VIỆC SỬ DỤNG CÔNG CỤ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO GRAMMARLY TRONG HỌC VIẾT TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC</b> Phạm Thị Hương Giang	251
29	<b>CÁC CÁCH ĐẶT CÂU HỎI TRONG TIẾNG PHÁP VÀ SO SÁNH ĐỐI CHIẾU VỚI TIẾNG ANH</b> Nguyễn Phương Lan	261
30	<b>MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG XÂY DỰNG BÀI GIẢNG VIDEO THEO MÔ HÌNH B-LEARNING TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG PHÁP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> Lê Nguyễn Thanh Hương	271
31	<b>TIẾNG PHÁP « FOS-TU »: MÔN HỌC CẦN THIẾT CHO SINH VIÊN KHỐI PHÁP NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b> Nguyễn Diệu Thúy	279

## NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP NGÔN NGỮ CỦA SINH VIÊN TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THUỘC KHỐI KỸ THUẬT

**Trương Thị Thanh Thủy\*, Trần Đình Thước**

Trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 8 Phố Viên, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

\*Tác giả liên hệ: Email: [truongthithanhthuy@humg.edu.vn](mailto:truongthithanhthuy@humg.edu.vn)

**Tóm tắt:** Nghiên cứu được thực hiện với mục đích tìm hiểu mức độ sử dụng chiến lược học tập ngôn ngữ (CLHTNN) của sinh viên không chuyên tiếng Anh trường đại học Mỏ - Địa chất và qua đó đánh giá về mối liên hệ giữa mức độ sử dụng CLHTNN với kết quả học tập của sinh viên. Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi với 69 sinh viên và thực hiện phỏng vấn sâu 3 sinh viên. Kết quả khảo sát chỉ ra có 23,5% số sinh viên được hỏi thường xuyên sử dụng các CLHTNN. Nhóm chiến lược siêu nhận thức được sinh viên sử dụng nhiều nhất, chiếm 38% số sinh viên được hỏi và chỉ có 19% số sinh viên được hỏi sử dụng nhóm chiến lược nhận thức. Qua thực hiện phỏng vấn sâu cho thấy các sinh viên có kết quả học tập tốt có xu hướng thường xuyên sử dụng các CLHTNN.

**Từ khoá:** chiến lược học tập, khảo sát, phỏng vấn sâu, mức độ

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới, các nhà nghiên cứu bắt đầu quan tâm đến chiến lược học tập ngôn ngữ (CLHTNN) từ những năm 80 của thế kỷ XX khi vai trò của người học được đề cao và khi khoa học tri nhận có những bước phát triển đáng ghi nhận. Các nhà nghiên cứu đã đạt được một số kết quả nhất định như xây dựng thành công khung lý thuyết bao gồm định nghĩa, phân loại, công cụ đo chiến lược học tập ngôn ngữ cũng như nhận diện được một số yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến việc sử dụng các CLHTNN. Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực còn hạn chế. Nguyên nhân có thể do chúng ta chưa ý thức được tầm quan trọng của CLHTNN. Để người học thực sự là trung tâm trong công cuộc đổi mới phương pháp dạy và học thì việc nắm được các CLHTNN là điều kiện hết sức cần bản để người học chủ động tham gia vào quá trình đào tạo và tự đào tạo cũng như duy trì động lực học tập suốt đời. Với mong muốn tìm hiểu về mức độ sử dụng CLHTNN của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại trường ĐH Mỏ - Địa chất, tác giả đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi và thực hiện phỏng vấn sâu, qua đó thấy được mối liên hệ giữa mức độ sử dụng CLHTNN với kết quả học tiếng Anh của sinh viên. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đưa ra những đề xuất cho việc học tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngoại ngữ.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 2.1. Định nghĩa chiến lược học tập ngôn ngữ

Rubin (1975) cho rằng chiến lược học tập là các kỹ thuật hoặc phương sách mà người học sử dụng để tiếp thu kiến thức. Từ một góc nhìn thiên về ngôn ngữ học Tarone (1983) coi CLHTNN là các ý định nhằm phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và ngôn ngữ-xã hội trong ngôn ngữ đích. Cho đến thời điểm hiện tại, nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đánh giá cao định nghĩa của Oxford (1990): “*CLHTNN là các hoạt động được người học sử dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tri nhận, lưu trữ, tái tạo và sử dụng thông tin, các hành động đặc biệt do người học thực hiện nhằm làm cho công việc học tập trở nên dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn, thoải mái hơn, tự chủ hơn, hiệu quả hơn, và dễ hoán chuyển vào tình huống mới hơn.*” Định nghĩa của Oxford về CLHTNN thực sự cụ thể, tường minh và nêu bật được tác dụng của việc sử dụng CLHTNN đối với người học.

### 2.2. Phân loại chiến lược học tập ngôn ngữ

Theo Liu (2010), Oxford (1990) đã phát triển thành công một hệ thống các CLHTNN dễ hiểu và chi tiết hơn những tác giả trước đó. Do vậy, bài viết này sẽ dựa trên cách phân loại các CLHTNN của Oxford (1990). Theo Oxford (1990), CLHTNN được chia thành 2 nhóm chính là nhóm chiến lược trực tiếp và nhóm chiến lược gián tiếp tùy thuộc vào vai trò của các nhóm trong tiến trình học tập ngôn ngữ.

#### 2.2.1. Nhóm chiến lược trực tiếp

Nhóm chiến lược trực tiếp bao gồm các chiến lược người học trực tiếp sử dụng trong quá trình học ngôn ngữ đích. Nhóm chiến lược này tiếp tục được chia thành nhóm chiến lược ghi nhớ, chiến lược nhận thức và chiến lược bù đắp. Chiến lược ghi nhớ là những kỹ thuật dùng để ghi nhớ kiến thức một cách hiệu quả, truy xuất và chuyển đổi thông tin cần thiết để có thể sau này sử dụng được ngôn ngữ đích. Quá trình ghi nhớ giúp sinh viên lưu trữ những thông tin quan trọng thu lượm được từ quá trình học tập. Về sau, khi cần sử dụng thông tin đã lưu trữ, các chiến lược này sẽ giúp người học khơi gợi lại kiến thức cũ. Ví dụ như sơ đồ ngữ nghĩa của một nhóm danh từ hay động từ chỉ ra mối quan hệ giữa các từ với nhau. Chiến lược nhận thức: là nhóm chiến lược giúp người học vận dụng ngôn ngữ đích hoặc thực hiện các tác vụ một cách chính xác thông qua các quá trình như: biện luận, phân tích và kết luận. Ví dụ như luyện tập thực hành ngôn ngữ và sử dụng từ điển để tra cứu các từ khó. Chiến lược bù đắp: được sử dụng trong trường hợp người học còn thiếu hụt một lượng từ vựng trong ngôn ngữ đích. Chiến lược này giúp người học tuy chỉ có một lượng từ vựng hạn chế nhưng vẫn có thể giao tiếp nói hoặc viết. Ví dụ như việc sử dụng các ngữ cảnh ngôn ngữ để đoán nghĩa từ có thể bù đắp cho việc thiếu hụt từ vựng.

#### 2.2.2. Nhóm chiến lược gián tiếp

Nhóm chiến lược gián tiếp gồm những thủ thuật trợ giúp nhóm chiến lược trực tiếp. Mặc dù không có sự ràng buộc trực tiếp đến việc tiếp thu một ngôn ngữ mới, nhưng nhóm chiến lược gián tiếp hỗ trợ tích cực cho nhóm chiến lược trực tiếp nhằm điều chỉnh tiến trình học tập. Nhóm chiến lược này bao gồm 3 nhóm nhỏ: nhóm chiến lược siêu nhận thức, nhóm chiến lược kiểm soát cảm xúc, nhóm chiến lược giao tiếp xã hội. Chiến lược siêu nhận thức là nhóm chiến lược giúp người học điều phối quá trình học tập thông qua việc

xác định trọng tâm, lên kế hoạch, tự quản lý và tự đánh giá quá trình học tập. Người học cũng có khả năng lựa chọn chiến lược học tập cho mình và tự thay đổi nếu thấy chưa phù hợp. Ví dụ như người học có thể tổng quan lại tất cả các tài liệu về ngôn ngữ đích đã được tiếp cận và lập trước kế hoạch xem cần tập trung vào phần nào. Chiến lược cảm xúc: giúp người học kiểm soát cảm xúc, thái độ, động lực và các giá trị có ảnh hưởng tới quá trình học tập. Nhóm chiến lược này có tác động mạnh mẽ tới quá trình học tập. Ví dụ như người học có thể cười để thư giãn và tự thưởng cho mình vì những kết quả đạt được. Chiến lược giao tiếp xã hội: là các hoạt động người học tham dự nhằm tìm kiếm cơ hội tiếp xúc trong môi trường thực hành ngôn ngữ đích. Nhóm chiến lược này đóng vai trò quan trọng bởi việc học ngôn ngữ cần có sự tiếp xúc với những người khác vì đây cũng chính là một hành vi mang tính xã hội. Ví dụ như việc đặt câu hỏi hay thực hành ngôn ngữ theo cặp hoặc giao tiếp với người bản ngữ giúp cải thiện kỹ năng ngôn ngữ.

### **3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **3.1. Phương pháp nghiên cứu**

Bài báo viết theo hướng nghiên cứu mô tả, sử dụng bảng khảo sát có tên gọi “Bảng đánh giá các chiến lược học tập ngôn ngữ” (Strategy Inventory for Language Learning – SILL) gồm 50 câu hỏi được dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt nhằm đo mức độ sử dụng các chiến lược của sinh viên. Đây là công cụ hiệu quả nhất, sử dụng nhiều và rộng rãi nhất trên thế giới, trong đó có các nước ở châu Á (Qinquang, 2008). Tổng số có 69 sinh viên chính quy theo học lớp Tiếng Anh 2 học kỳ 1, năm học 2023-2024 đã tham gia trả lời bảng khảo sát từ ngày 20/11/2023 đến ngày 5/12/2023. Để có thông tin khách quan, sinh viên không cần điền các thông tin như họ, tên hay địa chỉ email trên bảng khảo sát. Hơn nữa họ cũng được cho biết rằng không có câu trả lời đúng hay sai để họ tự tin trả lời bảng khảo sát. Sau khi sinh viên hoàn thành trả lời câu hỏi trên bản khảo sát, giáo viên tiếp tục thực hiện phỏng vấn sâu 3 sinh viên có kết quả thi học phần Anh 1 trên 8,5 về các chiến lược học tiếng Anh mà họ đã sử dụng trong quá trình học.

#### **3.2. Câu hỏi nghiên cứu**

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả đưa ra 3 câu hỏi:

- Sinh viên không chuyên tiếng Anh trường đại học Mở - Địa chất sử dụng các CLHTNN ở mức độ nào?
- Trong mỗi nhóm chiến lược, chiến lược nào được sinh viên sử dụng nhiều nhất và ít nhất?
- Có mối liên hệ gì giữa sinh viên đạt kết quả cao với mức độ sử dụng các CLHTNN?

#### **3.3. Kết quả và thảo luận**

Bảng câu hỏi được chia thành 6 phần, với chiến lược ghi nhớ (từ câu 1-9), chiến lược nhận thức (từ câu 10-23), chiến lược bù đắp (từ câu 24-29), chiến lược siêu nhận thức (từ câu 30-38), chiến lược cảm xúc (từ câu 39-44) và chiến lược xã hội (từ câu 45-50) cho kết quả như sau:

### 3.3.1. Mức độ chung của sinh viên sử dụng CLHTNN

Qua thông kê cho thấy trung bình có 23,5% số sinh viên được hỏi thường xuyên sử dụng các CLHTNN. Như vậy mức độ sinh viên thường xuyên sử dụng các CLHTNN khá thấp.

### 3.3.2. Nhóm chiến lược được sử dụng nhiều nhất và ít nhất

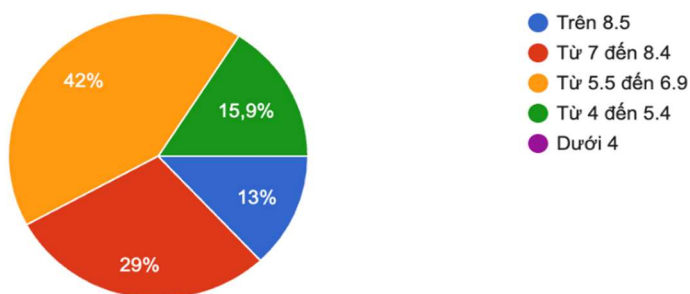
Từ kết quả khảo sát, tác giả đưa ra kết luận sinh viên sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức nhiều nhất trong quá trình học ngoại ngữ, trung bình có 33,8% sinh viên thường xuyên sử dụng nhóm chiến lược này, trong đó 48% số sinh viên được hỏi thường xuyên sử dụng chiến lược “Tôi cố gắng tìm ra cách học tiếng Anh tốt hơn” (câu 33) và “Tôi suy nghĩ về sự tiến bộ của mình trong việc học tiếng Anh” (câu 38). Ngược lại số sinh viên thường xuyên sử dụng chiến lược nhận thức là ít nhất, chỉ chiếm 19% số sinh viên được hỏi, trong đó có 47% sinh viên không bao giờ sử dụng chiến lược “Tôi viết thông báo, tin nhắn, thư và báo cáo bằng tiếng Anh” (câu 17). 58% sinh viên được hỏi không bao giờ sử dụng chiến lược “Tôi ghi lại cảm xúc của mình trong cuốn nhật ký học tiếng Anh” (câu 43) và 54 % không bao giờ sử dụng chiến lược “Tôi nhờ người bản ngữ tiếng Anh giúp đỡ” (câu 48).

### 3.3.3. Mối liên hệ giữa mức độ sử dụng CLHTNN và kết quả học tập của sinh viên

Để đánh giá mối liên hệ giữa mức độ sử dụng CLHTNN và kết quả học tập của sinh viên, trong phần câu hỏi về thông tin cá nhân có câu hỏi về điểm thi học phần Anh 1 cho kết quả như sau:

Điểm bài thi Anh 1 của bạn

69 câu trả lời



Kết quả khảo sát cho thấy 9 sinh viên có điểm thi học phần Anh 1 từ 8,5 trở lên (chiếm 13% tổng số sinh viên trả lời khảo sát) thường xuyên có sử dụng các CLHTNN thuộc 6 nhóm chiến lược trong bảng đánh giá các chiến lược học tập ngôn ngữ. 11 sinh viên có điểm thi học phần Anh 1 từ 4 đến 5,4 (chiếm 15,9% tổng số sinh viên trả lời khảo sát) có câu trả lời là không bao giờ hoặc ít khi sử dụng các CLHTNN.

Ngoài ra, giáo viên còn thực hiện phỏng vấn sâu 3 sinh viên có điểm thi học phần tiếng Anh 1 từ 8,5 với các câu hỏi về kế hoạch, mục tiêu học tiếng Anh và các chiến lược sử dụng trong việc học ngữ pháp, từ vựng, phát âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Kết quả cho thấy như sau:

Sinh viên thứ nhất đã lập kế hoạch chi tiết cho việc học tiếng Anh cũng như đặt ra các mục tiêu cụ thể mà mình cần đạt được. Để học ngữ pháp, sinh viên này thường xuyên ôn lại kiến thức và làm bài tập ngữ pháp, chú ý đến các lỗi sai mình đã mắc phải để sửa lỗi. Để học từ mới, bạn đã sử dụng các ứng dụng trên mạng, ghi chú từ mới vào ứng dụng từ điển trên điện thoại, và nhớ từ qua việc liên tưởng đến các tình huống xuất hiện của từ đó. Về phát âm, bạn tra từ điển, ghi nhớ cách phát âm chuẩn, thực hành nhiều lần để tránh mắc lỗi đồng thời chú ý về sự khác biệt giữa âm tiếng Anh và tiếng Việt. Đối với kỹ năng đọc hiểu, bạn chú trọng tới việc tìm ra ý chính của bài đọc, đồng thời tập trung vào các câu hỏi để tìm được nội dung cần trả lời ngoài ra còn vận dụng luôn các kiến thức thu được trong bài đọc hiểu nhằm tái sử dụng trong phần nói hoặc viết. Đối với kỹ năng nghe hiểu bạn luyện nghe hàng ngày với mức độ tăng dần về thời lượng và độ khó. Khi thực hành kỹ năng nói, bạn luôn tự tin, không sợ nói sai, luyện tập nói tiếng Anh thường xuyên với 1 người bạn, ngoài ra chịu khó giao tiếp bằng tiếng Anh với bạn bè, giáo viên và người nước ngoài. Còn với kỹ năng viết, bạn luyện tập thường xuyên bằng cách sử dụng đa dạng vốn từ vựng, ngữ pháp phù hợp với chủ đề theo bố cục của từng dạng bài viết đồng thời lồng ghép các kiến thức về tự nhiên văn hoá xã hội nhằm chuyển tải đến người đọc nội dung một cách đầy đủ và tường minh.

Bạn sinh viên thứ 2 đã lập kế hoạch chi tiết và đưa ra mục tiêu cụ thể cho việc học tiếng Anh của mình. Đối với việc học ngữ pháp bạn luyện tập thường xuyên theo một cuốn sách ngữ pháp đã được hệ thống hoá. Về từ vựng bạn học theo thẻ từ và tổng hợp từ vựng theo từ đồng nghĩa và trái nghĩa. Khi luyện tập về phát âm, bạn ghi nhớ bảng phát âm chuẩn, thực hành kỹ các phụ âm, nguyên âm, từ, nghe và thực hành đọc to lại nhiều lần để sửa lỗi. Đối với kỹ năng đọc hiểu bạn luyện tập thường xuyên bằng cách đánh dấu vào các từ khoá, và các câu trúc trong bài đọc hiểu. Khi rèn luyện kỹ năng nghe hiểu, bạn đọc kỹ câu hỏi, nghe từ khoá và xác định câu trả lời. Ngoài ra trong thời gian rảnh bạn thường xem phim hoặc nghe nhạc tiếng Anh. Để luyện kỹ năng nói, bạn thường ghi âm lại các bài nói của mình, nói một mình hoặc dạy em của bạn nói tiếng Anh, đồng thời có sử dụng ứng dụng yeetalk để luyện nói. Về kỹ năng viết, bạn thường xuyên viết theo chủ đề, chú ý sử dụng đúng các cụm từ và các cấu trúc câu thay vì ghép các từ đơn lẻ.

Bạn sinh viên thứ 3 cũng đã lập kế hoạch rất chi tiết cho việc học tiếng Anh của mình và đặt ra các mục tiêu từ thấp đến cao theo từng giai đoạn. Để học ngữ pháp, bạn cố gắng ghi nhớ các đặc điểm nhận dạng của các cấu trúc, làm đi làm lại các bài tập tương tự nhau. Về từ vựng, bạn phân loại từ để ghi nhớ, học từ mới bằng cách viết đi viết lại nhiều lần, dán lên tường để dễ nhìn thấy từ, học từ qua các bài hát đơn giản và dùng các ứng dụng học từ vựng. Đối với việc luyện phát âm, bạn học cách phát âm qua ứng dụng dạy phát âm và xem các youtube dạy phát âm của người nước ngoài để luyện tập theo nhằm sửa các lỗi sai về phát âm. Để luyện kỹ năng đọc hiểu, bạn chú trọng vào việc đọc tìm từ khoá và suy đoán loại trừ nhằm tìm ra câu trả lời đúng nhất. Khi luyện kỹ năng nghe, bạn cũng tập trung chú ý vào các từ khoá hoặc các hình ảnh (nếu có) nhằm hiểu được một phần nội dung bài nghe đang đề cập đến. Đối với kỹ năng nói, bạn luyện tập bằng cách lắng nghe, quan sát và thực hành. Bạn luyện nói theo phim, theo các bài hát tiếng Anh, học cách sử dụng từ ở đó để áp dụng vào các tình huống tương tự. Để rèn luyện kỹ năng viết, theo bạn điều quan trọng nhất là thực hành viết thường xuyên, trước tiên cần viết nháp các ý chính, sử dụng các

cấu trúc phù hợp để phát triển ý thành câu và đoạn văn. Qua thời gian thực hành liên tục sẽ tạo nên kỹ năng viết của mỗi người.

### **3.3.4. Thảo luận**

Kết quả của câu hỏi nghiên cứu thứ nhất cho thấy sinh viên không chuyên tiếng Anh trường đại học Mỏ - Địa chất sử dụng các CLHTNN ở mức độ dưới trung bình. Kết quả này trùng khớp với kết quả nghiên cứu của Erhman và Oxford (1989) cho rằng sinh viên đại học, người học ngôn ngữ thứ hai, học sinh phổ thông trung học sử dụng các loại chiến lược ở mức độ hạn chế, nói cách khác các đối tượng chưa chủ động sử dụng các chiến lược tốt nhất và toàn diện nhất.

Kết quả câu hỏi nghiên cứu thứ hai chỉ ra rằng chiến lược siêu nhận thức được sinh viên không chuyên sử dụng nhiều nhất. Như vậy, chúng tôi thấy rằng sinh viên không chuyên tiếng Anh đại học Mỏ - Địa chất có đủ nhận thức trong việc sắp xếp và đánh giá quá trình học tập của bản thân. Nguyên nhân có thể là do các đối tượng nhận thấy được tầm quan trọng của tiếng Anh đối với những định hướng tương lai nên đang ra sức để trau dồi ngôn ngữ thứ hai này. Thật vậy, việc nhận thức này sẽ giúp người học suy nghĩ tích cực về tiến trình học ngôn ngữ của bản thân, thiết lập mục tiêu cho những phát triển cá nhân, lên kế hoạch học tập và tìm cách thực hành tiếng Anh đồng thời tự đánh giá bản thân.

Bên cạnh đó, vì những chiến lược nhận thức đòi hỏi người học ngôn ngữ phân tích, lý giải, truyền và nhận thông điệp, sử dụng nguồn tài liệu học có sẵn và thực hành các kỹ năng ngôn ngữ nên khiến cho những người học ở mức độ sơ cấp không tự tin sử dụng chiến lược, dẫn đến việc sử dụng chiến lược nhận thức ở mức thấp nhất. Điều này có thể lý giải là do sinh viên còn thiếu năng lực ngoại ngữ, và không được hướng dẫn sử dụng chiến lược đúng đắn nên họ thiếu tự tin trong việc sử dụng ngôn ngữ và áp dụng các chiến lược vào quá trình học của bản thân.

Kết quả câu hỏi nghiên cứu thứ ba cho thấy các sinh viên có kết quả học tập tốt có xu hướng thường xuyên sử dụng các CLHTNN. Các sinh viên được phỏng vấn sâu sử dụng các CLHTNN một cách đa dạng bao gồm chiến lược siêu nhận thức (sinh viên 1,2,3), chiến lược ghi nhớ (sinh viên 1,2,3), chiến lược nhận thức (sinh viên 1,2,3), chiến lược bù đắp (sinh viên 1,2,3), chiến lược xã hội (sinh viên 1,2), chiến lược cảm xúc (sinh viên 1). Đây là những sinh viên đã có sự tìm hiểu về các CLHTNN và áp dụng được những chiến lược phù hợp và có hiệu quả với việc học tiếng Anh của bản thân. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Qingquan (2011) khi nhận định rằng nhóm sinh viên có kết quả học tập tốt đa phần là những sinh viên có ý thức rõ ràng về việc sử dụng các CLHTNN một cách khá thường xuyên và việc sử dụng chiến lược siêu nhận thức ở mức độ cao trong nhóm sinh viên này góp phần mang lại hiệu quả cao trong việc học tiếng Anh. Phần lớn các sinh viên học ngôn ngữ thành công đều có mục tiêu rõ ràng, có năng lực tự học, tự quản lý và đánh giá quá trình học tiếng Anh của mình.

## **4. KẾT LUẬN**

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy mặc dù sinh viên không chuyên tiếng Anh trường Đại học Mỏ - Địa chất sử dụng chiến lược ở mức độ dưới trung bình, nhưng các em có khuynh hướng sử dụng chiến lược siêu nhận thức trong quá trình



học ngoại ngữ của bản thân nên giáo viên Anh văn có thể sử dụng điểm thuận lợi này để phát triển năng lực ngôn ngữ của các em, tạo hứng thú cho các em trong việc học ngoại ngữ và giúp các em tự lên kế hoạch cũng như điều chỉnh và đánh giá quá trình học của mình.

Từ kết quả khảo sát việc sử dụng chiến lược nhận thức và chiến lược xã hội của sinh viên thấp, nguyên nhân là sinh viên xem việc học ngôn ngữ như là một môn học thay vì một công cụ để giao tiếp hiệu quả, cho nên giáo viên Anh văn cần khuyến khích và tạo nhiều cơ hội thực tế cho người học sử dụng ngôn ngữ để các em thấy yêu thích việc học ngoại ngữ, từ đó khả năng sử dụng ngoại ngữ của sinh viên được nâng lên.

Qua khảo sát kết hợp phỏng vấn sâu nhóm tác giả nhận thấy các sinh viên có kết quả học tập tốt có xu hướng sử dụng các CLHTNN một cách đa dạng và thường xuyên. Do vậy, các giáo viên tiếng Anh có thể lưu ý tới việc giới thiệu tới sinh viên các CLHTNN hiệu quả hoặc cho sinh viên làm khảo sát dựa trên bảng câu hỏi của Oxford để các em có thể tiếp cận với các CLHTNN và dần dần biết cách sử dụng các chiến lược một cách hiệu quả trong quá trình học tiếng Anh trong và ngoài lớp học.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Cotterall, S. & Reinders, H. (2004). Learner Strategies: A guide for teachers. *RELC Portfolio Series 12*.
- [2]. Ehrman, M., & Oxford, R. (1989). Effects of sex differences, career choice, and psychological type on adult language learning strategies. *The Modern Language Journal*, 73(1), 1-13.
- [3]. Liu, J. (2010). Language learning strategies and its training model. *International Education Studies*, 3(3), p.100.
- [4]. Oxford, Rebecca (1990). *Language Learning Strategies: What every Teacher Should know*. Boston, Mass. Heinle & Heinle Publishers.
- [5]. Qingquan, N., Chatupote, M., & Teo, A. (2008). A deep look into the learning strategy used by successful and unsuccessful students in the Chinese EFL learning context. *RELC Journal*, 39(3), 338-358.
- [6]. Rubin, Joan (1975). What the “good language learner” can teach us. *TESOL Quarterly* 9: 41-51.
- [7]. Tarone, E. (1983). Some thoughts on the notion of communication strategy. *TESOL Quarterly* 15, No. 3: 285-295.

---

**NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Địa chỉ: Số 8 phố Tăng Bạt Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

ĐT: 024.39423346 - 024.39424620 \* Fax: 024.38224784

Website: www.nxbgtvt.vn \* Email: nxbgtvt@fpt.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, NỘI DUNG:

*GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP:*

**Nguyễn Minh Nhật**

BIÊN TẬP:

**Dương Hồng Hạnh**

THIẾT KẾ:

**Xưởng in Trường Đại học Giao thông vận tải**

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT XUẤT BẢN: **Trường Đại học Giao thông Vận tải**

---

In 300 cuốn khổ 20,5 x 29,5cm tại Xưởng in Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Địa chỉ: Số 3, phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1492-2024/CXBIPH/1-37/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-2931-2.

Quyết định xuất bản số: 23LK/QĐ-XBGT ngày 14 tháng 5 năm 2024.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.